TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-7-2019

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung

2. Ông Đặng Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau** *tham gia phiên toà:* Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Ngọc T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2019 cũng như tại phiên tòa chị Ngô Ngọc T trình bày:*

Chị T và anh P tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường hay cãi nhau làm phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng không còn chung sống từ ngày 10/3/2019 đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống nữa nên chị T yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với anh P.

Con chung tên Trần Ngọc V, sinh ngày 27/10/2006. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy nhưng không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị T và anh P chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là chưa tuân thủ quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với anh P. Do đó, áp dụng Điều 14, 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Ngô Ngọc T và anh Trần Thanh P là vợ chồng. Con chung do chị T đang nuôi dạy nên cần giao chị T tiếp tục nuôi dạy. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nên không đề nghị xét; tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Ngô Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trần Thanh P. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng vì chị T và anh P chung sống không đăng ký kết hôn theo quy định; Anh P có địa chỉ tại ấp 3, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho anh P nhưng anh P không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị T và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh P nhưng anh P vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Ngô Ngọc T và anh Trần Thanh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 và có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Ngô Ngọc T và anh Trần Thanh P là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị T và nah P có 01 người con chung tên Trần Ngọc V, sinh ngày 27/10/2006. Xét thấy, cháu V hiện chị T nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con chung sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 14/3/2019 cháu V có yêu cầu nguyện vọng được sống cùng chị T. Do đó, cần tiếp tục giao cháu V cho chị T nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại

xác nhận ngày 20/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận chưa có đơn khiếu kiện tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Ngọc T phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Ngọc T và anh Trần Thanh P là vợ chồng.

2.Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc V, sinh ngày 27/10/2006 (giới tính nữ) cho chị Ngô Ngọc T tiếp tục nuôi dạy. Anh Trần Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 27 tháng 3 năm 2019 chị T có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006052 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được chuyển thu án phí.

5.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa